

Số: **105** /QĐ-TTGDQPAN

Gia Lai, ngày 22 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận sinh viên đủ điều kiện cấp chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh
Khóa 50 năm 2025, trình độ cao đẳng
của Trường Cao đẳng Cơ điện – Xây dựng và Nông lâm Trung bộ**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 1047/QĐ-BGDĐT, ngày 26/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 2861/QĐ-BQP, ngày 24/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc điều chỉnh, bổ sung danh sách liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BLDTBXH, ngày 30/8/2022 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội ban hành Quy chế quản lý, cấp phát Chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên các trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 66/QĐ-TTGDQPAN, ngày 26/12/2022 của Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn ban hành Quy định về quản lý Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-TTGDQPAN, ngày 12/6/2024 của Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn ban hành Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;

*Căn cứ Quyết định số **104** /QĐ-TTGDQPAN, ngày 22/7/2025 của Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn ban hành Quyết định công nhận kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh Khóa 50, năm học 2024-2025 cho sinh viên trình độ cao đẳng của Trường Cao đẳng Cơ điện – Xây dựng và Nông lâm Trung bộ;*

Căn cứ kết luận của Chủ tịch Hội đồng xét công nhận kết quả học tập môn học, công nhận sinh viên đủ điều kiện cấp chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh Khóa 50 tại phiên họp ngày 22/7/2025;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo & Quản lý sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 105 sinh viên đủ điều kiện cấp chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh Khóa 50 năm 2025, trình độ cao đẳng của Trường Cao đẳng Cơ điện – Xây dựng và Nông lâm Trung bộ (có tên trong danh sách kèm theo).

Điều 2. Ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo & Quản lý sinh viên, Trưởng các đơn vị và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Trường Cao đẳng Cơ điện – Xây dựng và Nông lâm Trung bộ;
- Đăng website;
- Lưu: VT, PDTQLSV.

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Đoàn Đức Tùng

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

KHÓA 50, NĂM 2024-2025

TRƯỜNG LIÊN KẾT: TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ ĐIỆN - XÂY DỰNG VÀ NÔNG LÂM TRUNG BỘ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 105/QĐ-TTGDQPAN ngày 22/07/2025 của Giám đốc Trung tâm
Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn)*

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Ngành học	Giới tính	Xếp loại	Ghi chú
1	50C.TY1.19	Phạm Thị Kim	Oanh	05/8/2006	Thủ y	Nữ	Khá	
2	50C.TY1.20	Đinh Văn	Sách	19/9/2006	Thủ y	Nam	Giỏi	
3	50C.TY1.22	Đặng Minh	Sỹ	09/9/2006	Thủ y	Nam	Giỏi	
4	50C.TY1.23	Đinh Văn	Trong	18/6/2005	Thủ y	Nam	Khá	
5	50C.TY1.25	Võ Đình	Trường	16/4/2006	Thủ y	Nam	Khá	
6	50C.TY1.26	Tạ Lê Thanh	Tuấn	09/12/2006	Thủ y	Nam	Khá	
7	50C.TY1.27	Mai Hoài	Vọng	17/10/2003	Thủ y	Nam	Khá	
8	50C.TY1.28	Lương Quốc	Vũ	23/8/2006	Thủ y	Nam	Giỏi	
9	50C.TY1.29	Võ Duy	Vỹ	08/12/2006	Thủ y	Nam	Khá	
10	50C.TY1.32	Lê Ngọc	Quân	19/4/2006	Thủ y	Nam	Khá	
11	50C.DC1.01	Trần Đức	Hoàng	02/4/2005	Diễn công nghiệp	Nam	Khá	
12	51C.OT1.01	Phạm Dương Tôn	Bảo	18/9/2003	Công nghệ ô tô	Nam	Giỏi	
13	51C.OT1.02	Nguyễn Minh	Đức	02/10/2003	Công nghệ ô tô	Nam	Khá	
14	51C.OT1.03	Lại Minh	Phúc	28/02/2003	Công nghệ ô tô	Nam	Khá	
15	51C.SH1.01	Đinh Văn	Ái	12/7/1997	Công nghệ sinh học	Nam	Khá	
16	51C.SH1.02	Đinh Thị	Đắc	06/8/1999	Công nghệ sinh học	Nữ	Khá	
17	51C.SH1.03	Đinh Thị Trường	Dang	28/7/2004	Công nghệ sinh học	Nữ	Khá	
18	51C.SH1.06	Đinh Thị	Hoàng	24/7/2003	Công nghệ sinh học	Nữ	Khá	
19	51C.SH1.13	Đinh Thị	Thọ	12/7/1993	Công nghệ sinh học	Nữ	Khá	
20	51C.SH1.15	Đinh Thị	Uc	08/6/2002	Công nghệ sinh học	Nữ	Khá	
21	51C.SH1.16	Đinh Thị	Nguyệt	05/3/1997	Công nghệ sinh học	Nữ	Khá	
22	51C.SH1.18	Đinh Thị Kiều	Oanh	09/9/2005	Công nghệ sinh học	Nữ	Khá	
23	51C.SH1.19	Đinh Thị	Vân	29/11/1999	Công nghệ sinh học	Nữ	Khá	
24	51C.SH1.20	Đinh Thị	Diễm	12/01/2005	Công nghệ sinh học	Nữ	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Ngành học	Giới tính	Xếp loại	Ghi chú
25	51C.SH1.21	Đinh Thị	Kiều	25/5/2002	Công nghệ sinh học	Nữ	Khá	
26	51C.SH1.22	Đinh Thị	Lan	29/6/2004	Công nghệ sinh học	Nữ	Khá	
27	51C.SH1.23	Đinh Thị Hồng	Nga	16/10/2003	Công nghệ sinh học	Nữ	Khá	
28	51C.SH1.24	Đinh Thị	Nga	15/9/2004	Công nghệ sinh học	Nữ	Giỏi	
29	51C.SH1.26	Đinh Thị	Hiệu	17/6/2003	Công nghệ sinh học	Nữ	Khá	
30	51C.SH1.27	Đinh Thị	Linh	09/7/2001	Công nghệ sinh học	Nữ	Khá	
31	51C.SH1.28	Đinh Thị Mỹ	Liên	15/4/2002	Công nghệ sinh học	Nữ	Khá	
32	51C.SH1.29	Đinh Thị	My	10/02/1995	Công nghệ sinh học	Nữ	Giỏi	
33	51C.TV1.01	Đinh Thị Kim	Chi	01/9/2005	Bảo vệ thực vật	Nữ	Khá	
34	51C.TV1.04	Đinh Trung	Định	01/4/1998	Bảo vệ thực vật	Nam	Khá	
35	51C.TV1.05	Đinh Thị	Giang	03/5/2001	Bảo vệ thực vật	Nữ	Khá	
36	51C.TV1.06	Đinh Thị	Hâm	01/3/2001	Bảo vệ thực vật	Nữ	Khá	
37	51C.TV1.08	Đinh Thị	Huệ	01/02/2003	Bảo vệ thực vật	Nữ	Giỏi	
38	51C.TV1.13	Đinh Thị	Liều	01/7/1998	Bảo vệ thực vật	Nữ	Khá	
39	51C.TV1.16	Đinh Thị	Nêu	03/3/2000	Bảo vệ thực vật	Nữ	Khá	
40	51C.TV1.18	Đinh Thị Y	Nhân	22/9/2005	Bảo vệ thực vật	Nữ	Khá	
41	51C.TV1.19	Đinh Thị Quỳnh	Như	11/6/2005	Bảo vệ thực vật	Nữ	Khá	
42	51C.TV1.20	Nguyễn Xuân	Phụng	20/01/1997	Bảo vệ thực vật	Nam	Giỏi	
43	51C.TV1.22	Đinh Thị	Rá	20/8/1989	Bảo vệ thực vật	Nữ	Khá	
44	51C.TV1.23	Đinh Thị	Thanh	23/3/2000	Bảo vệ thực vật	Nữ	Giỏi	
45	49C.SH2.01	Trần Văn	Cường	03/7/1985	Công nghệ sinh học	Nam	Giỏi	
46	49C.SH2.03	Đỗ Thị Thu	Hương	30/11/1988	Công nghệ sinh học	Nữ	Khá	
47	49C.SH2.06	Nguyễn Nam	Phú	09/3/1988	Công nghệ sinh học	Nam	Khá	
48	49C.SH2.07	Đoàn Minh	Duy	11/9/1990	Công nghệ sinh học	Nam	Giỏi	
49	49C.SH2.08	Nguyễn Tuy	Hải	20/6/1979	Công nghệ sinh học	Nam	Giỏi	
50	49C.SH2.10	Quách Trọng	Hùng	20/8/1987	Công nghệ sinh học	Nam	Giỏi	
51	49C.SH2.11	Nguyễn Ngọc	Tuấn	02/02/1983	Công nghệ sinh học	Nam	Giỏi	
52	49C.SH2.12	Nguyễn Duy	Kiệt	11/02/1983	Công nghệ sinh học	Nam	Giỏi	
53	49C.TC1.06	Đỗ Hồng	Truyền	18/10/2003	Vận hành máy thi công nền	Nam	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Ngành học	Giới tính	Xếp loại	Ghi chú
54	49C.TY1.02	Đinh Thị	Cha	5/3/1999	Thú y	Nữ	Giỏi	
55	49C.TY2.02	Nguyễn Trung	Chiến	28/10/2005	Thú y	Nam	Khá	
56	49C.TY2.16	Đỗ Thị Thanh	Lịch	14/08/2005	Thú y	Nữ	Giỏi	
57	49c.TY3.17	Đinh Thị	Trình	3/2/2000	Thú y	Nữ	Giỏi	
58	49C.TY3.22	Đinh Thị	Yên	02/01/1994	Thú y	Nữ	Giỏi	
59	50C.OT1.01	Lê Quốc	Dũng	14/9/2005	Công nghệ ô tô	Nam	Khá	
60	50C.OT1.02	Nguyễn Ngọc Bảo	Minh	15/5/2006	Công nghệ ô tô	Nam	Giỏi	
61	50C.OT1.03	Ngô Trần Chí	Minh	24/11/2003	Công nghệ ô tô	Nam	Trung bình	
62	50C.OT1.04	Nguyễn Châu	Phi	08/01/1999	Công nghệ ô tô	Nam	Khá	
63	50C.OT1.05	Trần	Vinh	11/7/2004	Công nghệ ô tô	Nam	Giỏi	
64	50C.OT1.06	Võ Quang	Huy	28/02/2005	Công nghệ ô tô	Nam	Khá	
65	50C.SH1.03	Hà Tuấn	Kiệt	22/9/1981	Công nghệ sinh học	Nam	Giỏi	
66	50C.SH1.10	Phạm Ngọc	Tú	03/4/1991	Công nghệ sinh học	Nam	Khá	
67	50C.TC1.01	Trần Khánh	Đăng	24/3/2006	Vận hành máy thi công nền	Nam	Khá	
68	50C.TV1.03	Đinh Văn	Kin	27/02/1995	Bảo vệ thực vật	Nam	Khá	
69	50C.TV1.04	Phạm Thị	Nga	20/8/1997	Bảo vệ thực vật	Nữ	Khá	
70	50C.TV1.05	Đinh Thị	Nhường	01/8/2005	Bảo vệ thực vật	Nữ	Khá	
71	50C.TV1.08	Đinh Thị	Thí	10/3/2006	Bảo vệ thực vật	Nữ	Khá	
72	50C.TV1.12	Đinh Thị	Viên	08/9/1999	Bảo vệ thực vật	Nữ	Khá	
73	50C.TV1.13	Đinh Thị	Yên	10/12/1998	Bảo vệ thực vật	Nữ	Khá	
74	50C.TV1.15	Đinh Hoàng	Vũ	23/9/1991	Bảo vệ thực vật	Nam	Giỏi	
75	50C.TV1.16	Đinh Văn	Khuân	12/4/2002	Bảo vệ thực vật	Nam	Khá	
76	50C.TV1.17	Lê Văn	Hậu	10/8/2001	Bảo vệ thực vật	Nam	Khá	
77	50C.TV1.18	Đinh Thị	Hiết	15/6/1996	Bảo vệ thực vật	Nữ	Khá	
78	50C.TY1.03	Nguyễn Hoàng Kỳ	Anh	10/12/2006	Thú y	Nam	Giỏi	
79	50C.TY1.04	Sô Minh	Bình	23/8/2005	Thú y	Nam	Giỏi	
80	50C.TY1.06	Phan Huy	Cang	03/3/2006	Thú y	Nam	Giỏi	
81	50C.TY1.07	Huỳnh Quang	Đạt	29/10/2006	Thú y	Nam	Khá	
82	50C.TY1.08	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	16/10/2006	Thú y	Nữ	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Ngành học	Giới tính	Xếp loại	Ghi chú
83	50C.TY1.09	Lương Thanh	Độ	10/4/1988	Thú y	Nam	Khá	
84	50C.TY1.11	Xa Văn	Hiếu	26/10/2003	Thú y	Nam	Khá	
85	50C.TY1.12	Đinh Văn	Huyền	07/5/2004	Thú y	Nam	Khá	
86	50C.TY1.13	Trần Gia	Khánh	06/5/2006	Thú y	Nam	Giỏi	
87	50C.TY1.14	Đinh Thị	Khí	16/5/2006	Thú y	Nữ	Giỏi	
88	50C.TY1.15	Trương Văn	Lâm	21/10/2005	Thú y	Nam	Khá	
89	50C.TY1.17	Bùi Tấn	Minh	11/9/2006	Thú y	Nam	Khá	
90	50C.TY1.18	Nguyễn Thị Trà	My	17/12/2006	Thú y	Nữ	Giỏi	
91	51C.TV1.25	Đinh Thị	Thủy	22/6/2004	Bảo vệ thực vật	Nữ	Giỏi	
92	51C.TV1.26	Đinh Thị	Trình	08/6/2001	Bảo vệ thực vật	Nữ	Giỏi	
93	51C.TV1.27	Đinh Thị	Tý	12/12/1990	Bảo vệ thực vật	Nữ	Giỏi	
94	51C.TV1.28	Đinh Thị Kim	Giang	09/10/1994	Bảo vệ thực vật	Nữ	Khá	
95	51C.TV1.29	Đinh Thị	Khuê	09/8/2006	Bảo vệ thực vật	Nữ	Khá	
96	51C.TV1.31	Đinh Thị	Nang	19/8/2000	Bảo vệ thực vật	Nữ	Khá	
97	51C.TV1.32	Đinh Thị	Tâm	19/6/1996	Bảo vệ thực vật	Nữ	Khá	
98	51C.TV1.33	Đinh Thị	Yến	17/11/2003	Bảo vệ thực vật	Nữ	Khá	
99	51C.TY1.02	Trần Vũ	Đạt	02/11/2003	Thú y	Nam	Khá	
100	51C.TY1.03	Nguyễn Văn	Lộc	24/7/2004	Thú y	Nam	Khá	
101	51C.ĐC1.01	Phạm Lưu	Hoàn	29/8/2004	Điện công nghiệp	Nam	Trung bình	
102	51C.ĐC1.02	Trương Võ Ngọc	Vũ	30/8/2004	Điện công nghiệp	Nam	Trung bình	
103	51C.ĐC1.03	Mai Nhật	Khang	16/10/2002	Điện công nghiệp	Nam	Khá	
104	51C.ĐC1.04	Nguyễn Ngọc	Tĩnh	15/7/2006	Điện công nghiệp	Nam	Khá	
105	51L.OT1.212	Nguyễn Hùng Lê	Phương	12/10/2006	Công nghệ ô tô	Nam	Khá	

Ấn định danh sách có 105 sinh viên./.

Gia Lai, ngày 22 tháng 7 năm 2025

GIÁM ĐỐC



★PGS.TS. Đoàn Đức Tùng